

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-PT
Ngày: 18 - 02 - 2025
V/v “*Tranh chấp QSD đất và
tài sản trên đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các thẩm phán: Bà Trần Thanh Hải

Bà Bạch Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Xuân Tân - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18/02/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLPT-DS ngày 09/12/2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐ-PT ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Văn T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xóm S, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị V, sinh năm 1983. Cùng nơi cư trú: xóm B, xã M, huyện L, Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn M, sinh năm 1977. Nơi cư trú: xóm Đ, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Tổng công ty L1 – Công ty Cổ phần. Địa chỉ: Số A L, phường Đ, quận H, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K – Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền Chi nhánh Tổng công ty L1 – Công ty Cổ phần - Công ty L2. Địa chỉ: tổ G, phường K, TP H, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Bùi Văn H1 – Đội trưởng Đội lâm nghiệp T1.

5. *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M.

Tại phiên tòa ông T, ông M, ông H1 có mặt. Ông H, bà V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Quách Văn T trình bày:

Tháng 4/2015 ông T ký hợp đồng hợp tác trồng rừng nguyên liệu với Lâm trường L3 (Sau đổi thành Đội lâm nghiệp T1 trực thuộc Công ty L2). Tổng diện tích theo hợp đồng là 13,8ha tại xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Hợp đồng có chu kỳ trồng keo là 07 năm (từ năm 2015 đến 2021). Theo đó Lâm trường đầu tư tiền cây giống, phân bón và thu sản phẩm bằng khối lượng gỗ cây keo trên đơn vị 01ha. Khi ký hợp đồng, Lâm trường cử cán bộ kỹ thuật là ông Bùi Văn L đến chỉ mốc giới thửa đất trên thực tế và sau đó đến UBND xã ký hợp đồng. Thực hiện hợp đồng ông T thuê người phát dọn thực bì, cuốc hố trồng cây. Ông T thuê hai đội nhân công do ông Bùi Văn D và ông Bùi Văn B làm tổ trưởng để trồng cây. Khi đang trồng ông T phát hiện ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị V cũng thuê người lên lút trồng xen cây keo vào đất ông đã trồng. Ông H, bà V trồng một lần và số lượng cây khoảng từ 1000 đến 2000 cây, trồng xen với khoảng cách 10m/cây, diện tích trồng xâm lấn khoảng từ 0,5ha – 0,7ha (lúc này không có ông Hà Văn M vì ông M đi làm ăn xa). Sau 03 ngày ông T mời ông H, bà V đến nhà và nói rõ là đất ông đã hợp đồng với Lâm trường để trồng keo. Thấy vậy ông H, bà V nói là tường đất của Lâm trường thì họ tranh còn đất của ông T đã hợp đồng thì họ thôi không trồng nữa và xin tiền cây giống và tiền công. Hai bên đã thỏa thuận ông T trả tiền cây và tiền công cho ông H, bà V là 2.000.000đ và hẹn một tuần sau đưa tiền nhưng khi ông T đưa tiền thì ông H, bà V nói không nhận tiền nữa mà tranh đất với Lâm trường. Lâm trường đã cử cán bộ là ông Bùi Văn L và bà Bùi Thị H2 đến kiểm tra và làm việc nhưng ông H, bà V không hợp tác. Sự việc sau đó lắng xuống, ông H, bà V cũng không quan tâm đến cây đã trồng mà do ông T quản lý, chăm sóc, bảo vệ cây. Năm 2018 ông H, bà V và ông Hà Văn M phát đường băng bao quanh diện tích hơn 04ha và chiếm dụng. Ông T báo sự việc đến Lâm trường và làm đơn đến UBND xã M yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên vì lo sợ bất an và vì có mối quan hệ gần gũi thông gia nên ông T đồng ý để cho ông H, bà V quản lý, sử dụng diện tích đất và cây đã khoanh bao và trả cho ông tiền cây giống, công chăm sóc, tiền nhân công từ năm 2015 đến năm 2018. Ông H, bà V phải làm hợp đồng trồng rừng với Lâm trường và trả sản phẩm theo hợp đồng. Lâm trường đã vào kiểm tra diện tích đất khoanh bao nhưng ông H không ký hợp đồng mà chiếm dụng luôn diện tích đất nêu trên, tranh chấp xảy ra từ đó đến nay. Năm 2021 đến kỳ khai thác gỗ keo thì ông H, bà V, ông M khoanh nhận diện tích đến 6,1ha và ngăn cản ông T khai thác gỗ trên diện tích đất nêu trên. UBND xã M đã có văn bản yêu cầu dừng khai thác

cho đến khi giải quyết xong tranh chấp nhưng ông H, bà V, ông M vẫn cố tình khai thác khoảng 0,7ha cây keo. Đến khi Công an xã M ngăn chặn thì ông H, bà V, ông M mới ngừng khai thác. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H, bà V, ông M giao trả lại 6,1ha đất và trả lại ông số cây keo trên diện tích còn lại 5,5ha để ông T khai thác. Ông T chấp nhận trả sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết với lâm trường đối với diện tích 6,1ha cây keo. Số cây keo trên diện tích 0,7ha ông T cho rằng tương đương với số lượng cây ông H, bà V đã trồng và đã thu hoạch bán lấy tiền ông không có ý kiến gì. Ông T chấp nhận trả sản phẩm trên diện tích 0,7ha cho Lâm trường.

2. Phía bị đơn trình bày:

Tuy đất không thuộc quyền sử dụng của mình nhưng trước đó khoảng năm 2007, 2008 đã được hợp tác trồng chung với ông Quách Văn A, có thỏa thuận phân chia với ông Bùi Văn H nhưng sau khi thu hoạch không được chia nên bị đơn cứ trồng vào đất cho rằng là đất hợp tác cùng ông Quách Văn A, không biết đất đó là của ai, thấy các hộ dân xung quanh cũng trồng nên ông H, bà V cứ trồng. Các bị đơn thừa nhận có được trồng một lần vào đất nêu trên nhưng không thấy ông T hay Lâm trường ngăn cản. Do vậy phía bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị được khai thác số keo còn lại trên đất.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M đồng ý với quan điểm của các bị đơn.

4. Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty L2 xác nhận có ký kết hợp đồng trồng rừng nguyên liệu với ông Quách Văn T. Đất ký hợp đồng với ông T thuộc tiểu khu B, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 với tổng diện tích 13,8ha tại xóm B, xã M. Trước khi ký hợp đồng Lâm trường đã cử cán bộ là ông Bùi Văn L đến chỉ giao mốc thực địa thửa đất cho ông T và ký hợp đồng tại UBND xã. Sau đó ông L được giao theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho ông T trong việc trồng rừng. Lâm trường đã cung cấp vốn đầy đủ cho ông T sau khi đã nghiệm thu kết quả trồng rừng của ông. Khi có xảy ra tranh chấp Lâm trường đã cử người làm việc với ông H, bà V nhưng phía bị đơn không hợp tác. Lâm trường cũng đã nhất trí để ông Bùi Văn H được ký hợp đồng với phần đất ông H, bà V khoanh bao năm 2018 theo thỏa thuận của các bên nhưng ông H sau đó cũng không ký hợp đồng. UBND xã M đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 08/4/2021 UBND xã M đã có thông báo đình chỉ việc khai thác gỗ keo tại tiểu khu B, khoảnh 15, lô A, 2, 3 để làm rõ đơn đề nghị của ông T nhưng gia đình ông H, bà V vẫn khai thác 07ha. Quan điểm của Lâm trường là hợp đồng trồng rừng giữa ông T với Lâm trường có hiệu lực và đã hết hạn chu kỳ trồng rừng theo hợp đồng. Lâm trường đã thực hiện đầy đủ các thỏa thuận theo hợp đồng. Nay đề nghị ông Quách Văn T thanh toán trả cho Lâm trường toàn bộ chi phí thu hồi sản phẩm đối với diện tích 6,1ha còn lại thành tiền là 181.871.500 đồng.

5. Người làm chứng:

5.1. Ông Quách Văn A cho biết: Năm 2007 ông A và ông Bùi Văn H có thỏa thuận bằng miệng về việc trồng rừng lấy gỗ keo. Theo đó ông H có trách nhiệm bảo vệ rừng, còn ông A có trách nhiệm trả các chi phí thuê phát thực bì, mua cây giống, làm cỏ, chăm sóc cho đến khi thu hoạch và trực tiếp trả sản phẩm cho Lâm trường. Sản phẩm còn lại chia theo tỷ lệ ông Anh 04 phần, ông H 01 phần. Sau đó ông Quách Văn A ký hợp đồng trồng rừng với Lâm trường diện tích 18,2ha và thực hiện trồng rừng. Đối với ông H đã không thực hiện việc trông coi, bảo vệ rừng nên để trâu bò phá hoại làm ông A phải trồng dặm lại nhiều lần. Năm 2014 đến kỳ thu hoạch sau khi trả sản phẩm cho Lâm trường thì ông Quách Văn A không có lãi nên không thể chia cho ông H theo thỏa thuận.

5.2. Ông Bùi Văn L trình bày: Ông là cán bộ của Lâm trường Lạc Sơn được giao phụ trách kỹ thuật địa bàn xã M, X, H và T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Theo đó ông L được giao giám sát kỹ thuật các hộ trồng rừng theo hợp đồng đã ký với Lâm trường, trong đó có hộ ông Quách Văn T. Công việc chính là đo đạc diện tích, giám sát các hộ trong việc phát dọn thực bì, cuốc hố trồng cây, cấp cây giống, trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng đã trồng. Diện tích ông Quách Văn T ký hợp đồng với Lâm trường là 13,8ha. Ông L đã đi đo đạc, giao mốc giới thực địa cho ông T, hai bên không lập biên bản giao mốc giới mà đã đến UBND xã M để ký hợp đồng luôn. Sau khi ký ông L giao cây giống cho ông T với số lượng 25.280 cây. Ông T đã thực hiện trồng theo đúng diện tích và quy định của Lâm trường. Ngày 01/6/2015 ông T có đề nghị kiểm tra rừng sau khi trồng. Cán bộ Lâm trường đã đến kiểm tra, lập biên bản nghiệm thu kết quả để làm căn cứ chi trả tiền nhân công, cây giống. Theo kết quả nghiệm thu, ông T đã trồng đúng và đủ diện tích 13,8ha. Sau khi nghiệm thu ông T có báo lại là có ông H, bà V trồng xen vào diện tích ông T đã trồng. Ông L đã phối hợp với ông T làm việc với ông H, bà V nhưng ông H, bà V không hợp tác mà còn nói rằng trồng rừng cùng ông Quách Việt A1 (không nói là Quách Văn A) và không biết Lâm trường là ai. Ông L có lập biên bản nhưng ông H, bà V không ký. Mấy ngày sau ông L lại đến làm việc nhưng ông H, bà V không có nhà, không liên lạc được. Sau đó ông H, bà V bỏ vắng một thời gian, không có ý kiến gì. Quá trình ông L giám sát cũng không thấy ông H, bà V chăm sóc, bảo vệ rừng (phần đã trồng). Phần trồng xen lẫn còn có rất nhiều cây keo tái sinh tự mọc. Năm 2018 ông H, bà V có phát khoanh bao một phần diện tích trong 13,8ha đã giao cho ông T. Ông T đồng ý để ông H quản lý diện tích đã khoanh bao nhưng ông H phải ký hợp đồng với Lâm trường và phải trả ông T tiền công chăm sóc, tiền giống và tiền nhân công. Ông H đồng ý và Lâm trường cử ông Bùi Văn L kiểm tra diện tích khoanh bao đo được là 4,1ha, có làm thủ tục, hồ sơ và ông H đã ký vào hợp đồng. Hẹn một tuần sau Lâm trường giao tiền đầu tư ban đầu nhưng ông H lại không nhận tiền, không đồng ý nhận trồng rừng mà chỉ muốn chiếm dụng đất. Do vậy hợp đồng chưa được xác nhận của UBND xã. Năm 2021 ông H, bà V lại khoanh bao chiếm giữ diện tích lên đến 6,1ha. UBND xã đã có văn bản yêu cầu dừng khai thác nhưng ông H, bà V vẫn khai thác và bán đi 0,7ha keo. Lâm trường phải phối hợp với Công an xã M đến làm việc thì ông H, bà V mới dừng khai thác và diện tích keo hiện nay còn 5,5ha. Về phần đất ông T đã ký hợp đồng với Lâm

trường nằm trong diện tích 19,8ha trước đó Lâm trường đã ký hợp đồng với ông Quách Văn A chu kỳ 2008 – 2014. Sau khi thu hoạch ông A không còn nhu cầu trồng rừng nên Lâm trường thu hồi, giao lại cho UBND xã M khoảng 06ha (trong tổng số 1.327ha toàn địa bàn), diện tích còn lại 13,8ha giao lại cho ông T theo hợp đồng. Phần đất giao lại cho UBND xã M do ông H, bà V chiếm dụng trồng keo. Diện tích đất này giáp liền kề phần đất ông H, bà V trồng xen vào đất đã giao cho ông T. Phần đất chiếm dụng khoảng 06ha đến kỳ khai thác thì ông H, bà V khai thác đúng ranh giới. Phần đất trồng xen vào đất ông T thì sau một năm mới khai thác.

5.3. Ông Bùi Văn B và ông Bùi Văn D xác nhận năm 2015 và 2016 có được làm tổ trưởng tổ nhân công đi phát dọn thực bì, trồng keo, làm cỏ rừng cho ông Quách Văn T với diện tích 13,8ha.

6. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện Lạc Sơn: Xác định vị trí thửa đất đúng theo hợp đồng ông T đã ký với Lâm trường. Diện tích cây keo tranh chấp $61.055,3m^2$ (tương đương 6,1ha), trong đó phần ông H, bà V đã khai thác đo được là $6.267m^2$, diện tích cây còn lại là $54.783,3m^2$. Các đương sự đều thừa nhận diện tích nêu trên

7. Ngày 10/8/2024 ông Quách Văn T có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông T rút yêu cầu đòi đất đối với ông Bùi Văn H và bà Bùi Thị V. Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được khai thác số cây keo còn lại trên diện tích 5,5ha trong diện tích 13,8ha đất đã ký hợp đồng với Lâm trường.

Tại Bản án số: 06/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình: Căn cứ khoản 1 Điều 163, 166, khoản 1 Điều 221, 385 và Điều 419 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1, 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả lại diện tích đất đã chiếm dụng trong diện tích 13,8ha đã ký hợp đồng trồng rừng với Công ty L2.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu khai thác cây keo trên đất: Xác nhận số lượng cây keo trên diện tích $54.783,3m^2$, nằm trong diện tích 13,8ha đất ông Quách Văn T đã ký các hợp đồng trồng rừng với Lâm trường L, thuộc sở hữu của ông Quách Văn T. Ông T có quyền khai thác, thu hoạch số cây keo nêu trên. Ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị V và ông Hà Văn M không được quyền ngăn cản ông Quách Văn T khai thác số lượng cây keo nêu trên.

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty L2 đối với ông Quách Văn T về nghĩa vụ nộp sản phẩm theo các hợp đồng trồng rừng đã ký kết ngày 26/4/2015: Ông T có nghĩa vụ nộp sản phẩm còn lại theo hợp đồng cho Công ty L2 với số tiền là 181.871.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và chấp nhận cho gia đình ông H, bà V được khai thác toàn bộ tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX phúc thẩm bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Hà Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của TAND huyện Lạc Sơn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền về loại việc và lãnh thổ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 13/9/2024 Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm; Ngày 25/9/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: trong quá trình giải quyết ông T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình về việc đòi lại đất đối với ông H, bà V. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 71 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ phần yêu cầu này là đúng quy định của pháp luật.

2.2. Đối với yêu cầu của nguyên đơn tranh chấp tài sản trên đất: Năm 2015 ông Quách Văn T đã ký hợp đồng trồng rừng với Lâm trường L3 (Nay là Đội lâm nghiệp T1 thuộc Công ty L2) theo chu kỳ trồng rừng từ năm 2015 – 2021. Vị trí thửa đất canh tác là thuộc tiểu khu B, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 với tổng diện tích 13,8ha tại xóm B, xã M, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Ông T đã được cán bộ Lâm trường là ông Bùi Văn L chỉ rõ mốc giới, ranh giới của khu đất và xác

định trên diện tích đất khi giao chưa có ai trồng cây. Theo đó ông T đã thực hiện việc phát dọn thực bì, cuốc hố trồng cây và đã được Lâm trường nghiệm thu kết quả trồng bằng biên bản làm việc ngày 03/6/2015. Người làm chứng ông Bùi Văn B, ông Bùi Văn D1 là những người trực tiếp tầm tổ trưởng tổ nhân công đã xác nhận có được đi phát dọn thực bì, trồng keo, làm cỏ rừng cho ông Quách Văn T trên diện tích 13,8ha. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/10/2022 và kết quả trích đo thì diện tích cây keo $54.783,3m^2$ (tương đương gần 5,5ha) nằm trong diện tích 13,8ha mà ông Quách Văn T đã nhận ký hợp đồng trồng rừng với Lâm trường. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn là được thu hoạch số lượng cây keo trên diện tích $54.783,3m^2$ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Ý kiến của bị đơn đề nghị được khai thác số cây keo còn lại trên diện tích $54.783,3m^2$ đất nhưng không đưa ra được những tài liệu chứng cứ để chứng minh là đã trồng số keo trên. Tại lời khai của các bị đơn cũng thừa nhận việc trồng xen keo vào đất ông T là tự phát, thấy các hộ dân khác trồng thì cứ trồng. Năm 2015 ông T xác nhận ông H, bà V chỉ trồng xen lẫn vào phần cây ông đã trồng diện tích khoảng 0,7ha, mật độ thưa thớt (khoảng 10m một cây). Quá trình theo dõi giám sát ông Bùi Văn L (Cán bộ Lâm trường phụ trách kỹ thuật xã M) đã khẳng định ông H, bà V không trồng thêm lần nào, không quản lý chăm sóc cây. Ông H, bà V cũng không thực hiện việc ký kết hợp đồng trồng rừng đối với Công ty L2 nên năm 2018, 2021 các bị đơn tự khoan bao và nhận diện tích đến 6,1ha là trái quy định và không được pháp luật bảo vệ.

Đối với việc ông H, bà V, ông M tự ý khai thác khoảng 0,7ha cây keo. Nguyên đơn cho rằng diện tích cây keo phía bị đơn trồng cũng chỉ tương ứng với diện tích này, đồng thời phù hợp với quy chuẩn trồng rừng của Lâm trường là mật độ 1.832 cây/ha và ông T chấp nhận trả sản phẩm đối với diện tích keo này cho Lâm trường để cho ông H, bà V thụ hưởng phần tài sản này. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông T, không trái đạo đức, không trái pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên chấp nhận.

2.3. Đối với yêu cầu độc lập của Công ty L2: Ngày 26/4/2015 Lâm trường L3 và ông Quách Văn T đã ký hợp đồng trồng rừng số 71, 72 và 73 tại tiểu khu B, khoảnh 15 lô 1, 2, 3 với tổng diện tích 13,8ha. Theo đó phía Lâm trường có trách nhiệm giao đất, chỉ mốc giới, cử cán bộ hỗ trợ kỹ thuật, giống cây, ứng tiền nhân công, theo dõi, giám sát và thu sản phẩm tính theo sản lượng gỗ trên ha. Phía ông T có nghĩa vụ nhận đất, tiền đầu tư ban đầu, thực hiện trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng, nộp sản phẩm khoán đến kỳ thu hoạch. Xét các hợp đồng trên đã tuân thủ đúng về nội dung và hình thức nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Ông T đã thu hoạch và nộp sản phẩm cho Lâm trường đối với diện tích 7,7ha. Số diện tích ông T phải nộp sản phẩm tiếp là 6,1ha tương ứng với số tiền 181.871.500 đồng. Hiện ông T thừa nhận chưa nộp mức sản phẩm nêu trên, do vậy yêu cầu của Công ty L2 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Về án phí: Ông Hà Văn M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nay được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông M đã nộp tại Chi cục THADS huyện L, tỉnh Hòa Bình theo biên lai số 0002376 ngày 25/9/2024. Xác nhận ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/02/2025).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hoà Bình;
- TAND huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn